

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BA ĐÌNH**

\*\*\*\*\*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **137/2022/DSST**

Ngày: 16/06/2022

*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng,  
Hợp đồng thế chấp*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

**Với Hội đồng xét xử gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán: Bà **Nguyễn Hoài Phương**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hà**

Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thu Trang** - Kiểm sát viên

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Quang Huy** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 16 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/TLST-DS ngày 01 tháng 04 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST- DS ngày 29/04/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST - DS ngày 24/05/2022, giữa:

\* Nguyên đơn: **Ngân hàng TM TNHH MTV DKTC (GPB)**. Trụ sở: Tòa nhà CT, số 109 phố THĐ, phường CN, quận HK, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Phạm HT – Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: ông Lương Minh T1 – Giám đốc Ngân hàng TM TNHH MTV DKTC – Chi nhánh Ba Đình (theo giấy ủy quyền số 09/2017/UQ-TGD ngày 16/02/2017).

Ông T1 ủy quyền cho:

1. Ông Trần Minh N - Phó Giám đốc Chi nhánh BĐ.
2. Bà Nguyễn Thị T2 - Cán bộ xử lý nợ Chi nhánh BĐ.
3. Ông Tạ Xuân T3 - Phó phòng kinh doanh Chi nhánh BĐ.
4. Ông Nguyễn Xuân P - Nhân viên Phòng kinh doanh Chi nhánh BĐ (theo giấy ủy quyền số 29/2018/UQ-BĐI ngày 30/07/2018).

Bà T có mặt tại phiên tòa.

\* Bị đơn: Bà **Nguyễn TH**, sinh năm: 1966. Hộ khẩu thường trú: số 5 hẻm 612/50/38 đường LT, phường GV, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đã được Tòa án nhân dân quận Ba Đình ra Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú số 295/2018/TB - VDS ngày 30/03/2018. (vắng mặt)

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn TH, sinh năm: 1966. Hộ khẩu thường trú: số 5 hẻm 612/50/38 đường LT, phường GV, quận BĐ, thành phố Hà Nội.  
(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1967 (vợ ông Nguyễn Văn K, mất năm 2001).

3. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1991.

- Cháu Nguyễn Thị Q, sinh năm 2011.

- Cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2015.

- Cháu Nguyễn Văn Q1, sinh năm 2016.

Anh Q và chị P1 là người đại diện hợp pháp của cháu Q, cháu D, cháu Q1.

4. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1993 và chị Kiều Thị S, sinh năm 1996.

- Cháu Nguyễn Minh D1, sinh năm 2015.

- Cháu Nguyễn Đăng N1, sinh năm 2020.

Anh Tuấn và chị S là người đại diện hợp pháp của cháu D1 và cháu N1.

5. Anh Nguyễn Văn T7, sinh năm 1996 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1999.

Cháu Nguyễn Bảo T6, sinh năm 2020. Anh T7, chị H1 là người đại diện hợp pháp của cháu T6.

6. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1990.

Cùng hộ khẩu thường trú và ở tại: số nhà 61 xóm Ngõ N, xã DN, huyện TT, thành phố HN.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/07/2018, các bên tự khai vụ việc, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại TNHH MTV DKTC, bà Nguyễn Thị T trình bày:

\* Ngày 09/07/2010 tại Ngân hàng TMCP DKTC – Chi nhánh Ba Đình (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV DKTC) đã ký Hợp đồng tín dụng số 0142/HĐTD/GPBBĐ-XĐ/10 với Bà Nguyễn TH, nội dung cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: **2.000.000.000 đồng** (Hai tỷ đồng)

+ Phương thức vay: Vay theo món

+ Thời hạn vay: 60 (sáu mươi) tháng.

+ Mục đích vay: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng lô biệt thự 5BT2 – khu đô thị CB, TL, Thanh Trì, Hà Nội để ở và làm văn phòng công ty do bà Hti làm chủ sở hữu.

+ Lãi suất vay: Áp dụng theo biểu lãi suất hiện hành của GPB tại thời điểm giải ngân đối với từng khế ước, thay đổi 1 tháng/lần theo thông báo lãi suất của GPB trong từng thời kỳ.

+ Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc: Trả vào 25 hàng tháng, ngày trả cuối cùng 09/07/2015.

+ Trả nợ lãi: Trả vào 25 hàng tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên là 25/07/2010.

Ngày 09/7/2010, Ngân hàng TMCP DKTC – Chi nhánh Ba Đình (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV DKTC) đã ký với bà Nguyễn TH Khế ước nhận nợ số: 01.0142/KUNN/GPBBD-XĐ/10 và giải ngân cho bà Nguyễn TH bằng hình thức chuyển khoản theo số tài khoản 10102086, số tiền 2 tỷ đồng vào tài khoản của bà H tại GPB - Chi Nhánh BD. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay 17,5%/năm.

\* Tài sản bảo đảm là :

- Quyền sử dụng 841m<sup>2</sup> đất tại địa chỉ xã Lai Thượng, huyện TT, tỉnh HT (nay là thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 522150, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01150.QSDD/15/QĐ – UB – H do UBND huyện TT cấp ngày 30/9/2004, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn TH tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT ngày 27/4/2010.

- Quyền sử dụng đất có diện tích 248 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 03, xã DN, huyện TT, tỉnh HT ( nay là thành phố Hà Nội), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T659267, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00699.QSDD/826/QĐ-UB-H do UBND huyện TT, HT (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 02/10/2001, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn TH tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT ngày 27/04/2010 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số công chứng 1127.2010/HĐTC ngày 08/07/2010 tại Văn phòng công chứng NT.

\* Quá trình giải quyết khoản nợ:

Khi khoản vay đến hạn trả nợ, bà Nguyễn TH đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bên vay vốn đến làm việc để thanh toán khoản nợ, bà Nguyễn TH đã nhiều lần đưa ra cam kết thanh toán nợ nhưng không thực hiện được nghĩa vụ.

Ngân hàng đã làm việc với công an, chính quyền địa phương về việc bà Nguyễn TH không còn sinh sống tại địa bàn. Ngân hàng đã thực hiện thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Nguyễn TH trên các cổng thông tin: Trung tâm QCVDVTT VOV, BáoCL, Cổng thông tin điện tử UBND thành phố Hà Nội, Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Nhưng đến nay vẫn chưa thấy tung tích của bà Nguyễn TH.

Từ khi nhận nợ đến nay, bà Nguyễn TH đã thanh toán 1.884.577.263 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi: 384.197.276 đồng; Lãi quá hạn: 1.065.545 đồng.

Ngân hàng đã tiến hành giải chấp đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 841m<sup>2</sup> đất tại địa chỉ xã Lai Thượng, huyện TT, tỉnh HT (nay là thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 522150, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01150.QSDD/15/QĐ – UB – H do UBND huyện TT cấp ngày 30/9/2004, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn TH tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT ngày 27/4/2010. Ngay từ đơn khởi kiện Ngân hàng đã không yêu cầu giải quyết đối với tài sản này tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Nay, Ngân hàng TM TNHH MTV DKTC kính đề nghị Tòa án Nhân dân quận Ba Đình xét xử, buộc Bà Nguyễn TH pH thanh toán trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/01/2022: 1.926.437.165 đồng, trong đó:

- + *Nợ gốc*: 500.000.000 đồng
- + *Nợ lãi*: 242.652.310 đồng
- + *Lãi quá hạn*: 1.183.784.855 đồng

Trường hợp bà Nguyễn TH không trả được thì đề nghị Tòa án xét xử cho xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay là: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 248 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 03, xã DN, huyện TT, tỉnh HT ( nay là thành phố Hà Nội), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T659267, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00699.QSĐĐ/826/QĐ-UB-H do UBND huyện TT, HT ( nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 02/10/2001, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn TH tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT ngày 27/04/2010.

Sau khi Tòa án xuống xem xét thẩm định đối với tài sản đang thế chấp là thửa đất số 359, tờ bản đồ số 03, xã DN, huyện TT, HT (nay là thành phố Hà Nội) thì có thấy thay đổi hiện trạng về nhà trên đất nhưng không thấy báo cho Ngân hàng về việc xây dựng.

\* **Bị đơn**: Bà Nguyễn TH, sinh năm 1966. Đã được Tòa án nhân dân quận Ba Đình ra Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú số 295/2018/TB - VDS ngày 30/03/2018.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được các thông tin về bị đơn như sau:

Xác minh tại Công an phường GV cung cấp bà Nguyễn TH có hộ khẩu thường trú tại số 5 hẻm 612/50/38 đường LT, phường GV, quận BD, thành phố Hà Nội nhưng không sinh sống tại đây từ khoảng 10 năm nay.

\***Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà **Nguyễn Thị T8** trình bày tại đơn trình bày, biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án như sau:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn K (mất năm 2001).

Nhà đất tại số nhà 61 Xóm Ngõ N, thôn B, xã DN, huyện TT, thành phố Hà Nội có nguồn gốc từ tổ tiên nhà chồng bà để lại cho. Khi bà về làm dâu và đã ở tại đây từ năm 1988 cho đến nay. Sau đó chồng bà được chia đất, khoảng hơn 200m<sup>2</sup> và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở mang tên ông Nguyễn Văn Kết.

Do là hàng xóm nên có quen biết với chị Nguyễn TH1, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn 2, CN, TT, Hà Nội. Năm 2006, bà A bảo bà có vay tiền không thì đưa “sổ đỏ” để đi cùng vay tiền, bà đồng ý, cho bà 10 triệu để nuôi lợn. Bà đã đưa sổ đỏ của gia đình cho bà A, nhưng khi đó bà A bảo chỉ được 4 triệu. Bà đã sử dụng chi tiêu hết, đến 2008 bà trả tiền cho bà A 4 triệu xong và có đòi bà A trả “sổ đỏ” nhưng bà A không trả. Bà có vay tất cả khoảng 40.000.000 đồng của bà A, năm

2009, bà có lên địa chính xã làm thủ tục sang tên một mình bà đứng tên (nhưng mọi thủ tục do bà Nguyễn TH1 đứng làm hết nên bà không nhớ gì). Bà không có bản lưu nên không nhớ rõ diện tích và thửa đất. Đến thời điểm khoảng năm 2010 bà có nhớ đến nhà bà Nguyễn TH1 ký một số giấy tờ, chỉ biết bà A nói là ký để làm thủ tục trả tiền cho Ngân hàng gì đó mà bà không nhớ để lấy “sổ đỏ” về.

Đến khoảng năm 2016, ngân hàng đến hỏi bà Nguyễn TH đầu để đòi tiền thì gia đình mới biết tài sản nhà đất đã thế chấp cho ngân hàng. Bà không biết bà Nguyễn TH là ai, không vay tiền tại Ngân hàng Dầu khí. Khi Tòa án đến thẩm định tài sản thì gia đình mới biết hiện “sổ đỏ” đứng tên bà Nguyễn TH. Bà không có bất cứ tài liệu gì để xuất trình cho Tòa án, về Hợp đồng chuyển nhượng mua đất số 663 ngày 19/04/2010, bà không có để xuất trình cho Tòa án. Nhiều lần bà đã gặp bà A để đòi lại “sổ đỏ”, bà A không trả cho gia đình bà. Tuy nhiên bà chưa có đơn tố cáo bà A hay bà H ra cơ quan công an và các cơ quan ban ngành khác.

Bà và ông Kết có 4 người con, hiện nay các con cháu đều đang sinh sống trên nhà đất. Trên thửa đất có 02 nhà: Nhà thứ nhất xây năm 2009 diện tích 50m<sup>2</sup>, nhà bê tông 1 tầng rưỡi, tôn lợp tôn. Nhà thứ hai xây năm 2018 có diện tích 50m<sup>2</sup>, 2 tầng và 1 tum. Thời điểm năm 2010 không thấy ngân hàng hay bất kỳ ai về thẩm định tài sản. Khoảng 3 năm nay thì mới thấy ngân hàng về nói đang khởi kiện tại Tòa án. Gia đình khi đó mới biết bị bà A lừa. Bà khẳng định không vay mượn gì của Ngân hàng, không hưởng lợi gì; bà H vay của Ngân hàng thì tự có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Ngân hàng không được xử lý tài sản nhà đất của gia đình bà. Đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho gia đình bà. Gia đình chúng bà không tranh chấp gì đối với Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp.

\* **Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Văn Quả trình bày: anh thống nhất ý kiến như bà T8 trình bày. Gia đình thống nhất không tranh chấp gì với các hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp giữa bà H với Ngân hàng Dầu khí. Anh bỏ tiền ra xây nhà năm 2018, không có giấy phép xây dựng. Anh không có ý kiến gì về việc xây nhà trên đất đã thế chấp cho ngân hàng. Gia đình anh chưa khiếu nại tố cáo gì đối với bà Nguyễn TH1 và bà Nguyễn TH đến bất kỳ cơ quan tổ chức nào. Gia đình anh cũng không có khiếu nại gì đến Ủy ban xã hay văn phòng nhà đất về nhà đất trên. Anh đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật và xin được trả nợ thay cho bà Nguyễn TH khoản nợ gốc là 500.000.000 đồng cho Ngân hàng sau khi án có hiệu lực. Đề nghị Ngân hàng trả “sổ đỏ” về cho gia đình anh. Việc mẹ anh có đưa “sổ đỏ” hay ký giấy tờ chuyển nhượng cho bà H như thế nào gia đình không nắm được nên không có bất kỳ tài liệu nào xuất trình cho Tòa án. Anh và gia đình đã được Tòa án giải thích để bảo đảm quyền lợi cho mình nhưng anh không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt gia đình anh.

**Tại phiên tòa:**

\* Đại diện nguyên đơn - bà T trình bày: Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV DKTC (GPB) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xét xử buộc bà Nguyễn TH phải thanh toán cho Ngân hàng GPB theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0142/HĐTD/GPBBD-XĐ/10 ngày 09/07/2010; Khế ước nhận nợ số 01.0142/KUNN/GPBBD-XĐ/10 ngày 09/07/2010. Tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 16/06/2022: **1.988.973.483 đồng (một tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng)**. Trong đó: Nợ gốc: **500.000.000 đ**; Nợ lãi trong hạn: 242.652.310đ; Nợ lãi quá hạn: 1.246.321.173đ.

Và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày khởi kiện đến khi giải quyết xong vụ án.

- Trường hợp bị đơn không thanh toán thì đề nghị Tòa án tuyên trong bản án, Ngân hàng TM TNHH MTV DKTC (GPB) có quyền tự mình xử lý hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 248 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 03, xã DN, huyện TT, tỉnh HT (nay là thành phố Hà Nội), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T659267, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00699.QSĐĐ/826/QĐ-UB-H do UBND huyện TT, HT (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 02/10/2001, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn TH tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT ngày 27/04/2010; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số công chứng 1127.2010/HĐTC ngày 08/07/2010 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tú.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

§-íc nhĒn th<ng b\_o, quyŔt @Pnh vư c\_c v' n b¶n do Tba ,n gi¶i quyŔt trong qu\_ tr×nh chuĒn bP xĐt xŔ theo @óng quy @Pnh, @-íc quyŔn xem, S lŔc c\_c tui liŔu do Tba ,n thu thĒp cŔng nh- do c\_c b^n @-ng sù cung cĒp, @-íc quyŔn ph,t biŔu, hái vư tranh luĒn t'i ph'i n tba.

§èi v'í c\_c @-ng sù v'4ng mĒt t'i ph'i n tba @Ŕu @. @-íc tĕng @t niĕm yĕt h'p lŔ vŔ ph'i n tba n^n viŔc Tba ,n xĐt xŔ v'4ng mĒt hã lư @óng quy @Pnh t'i §iŔu 72, Đieu 73, §iŔu 234 Bĕ luĒt tĕ tŔng dŔn sù nă m 2015.

**Về nội dung vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn TH phải thanh toán cho Ngân hàng (GPB) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0142/HĐTD/GPBBD-XĐ/10 ngày

09/07/2010; Khế ước nhận nợ số 01.0142/KUNN/GPBBD-XĐ/10 ngày 09/07/2010. Tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 16/06/2022 Nợ gốc: **500.000.000** đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Ngân hàng được quyền xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0142/HĐTD/GPBBD-XĐ/10 ngày 09/07/2010 được ký kết giữa bà Nguyễn TH với Ngân hàng TMCP DKTC – Chi nhánh Ba Đình nay là Ngân hàng TM TNHH MTV DKTC (GPB) với mục đích: “Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng lô biệt thự 5BT2 – khu đô thị CB, TL, TT, Hà Nội để ở và làm văn phòng công ty do bà H làm chủ sở hữu; là tranh chấp giữa một bên doanh nghiệp có tư cách pháp nhân với một bên là cá nhân vay với mục đích tiêu dùng nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền xét xử vụ án:

Bị đơn - bà Nguyễn TH có hộ khẩu thường trú tại số 5 hẻm 612/50/38 đường LT, phường GV, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về tố tụng:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn TH, sinh năm 1966, đã được Tòa án nhân dân quận Ba Đình ra Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú số 295/2018/TB - VDS ngày 30/03/2018. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Hội đồng xét xử xác định đây thuộc trường hợp cố tình giêU ®Pa chØ. Thực tế, nơi cư trú cuối cùng của bà Nguyễn TH tại số 5 hẻm 612/50/38 đường LT, phường GV, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, đã được Tòa án thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà H tại nơi cư trú cuối cùng, t<sup>1</sup>i trø sē Ủy ban nhân dân phường GV và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0142/HĐTD/GPBBĐ-XĐ/10 ngày 09/07/2010; Khế ước nhận nợ số 01.0142/KUNN/GPBBĐ-XĐ/10 ngày 09/07/2010 giữa bà Nguyễn TH và Ngân hàng TMCP DKTC – Chi nhánh Ba Đình nay là Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV DKTC (GPB) về hình thức: do người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng (bên cho vay) ký kết với bà Nguyễn TH (bên vay) được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của bên cho vay và bên vay. Về nội dung của hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ được ký kết với sự thỏa thuận của 02 bên liên quan đến khoản tiền cho vay, lãi suất tiền vay, lãi suất nợ quá hạn, tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay, quyền và nghĩa vụ các bên trong việc thực hiện hợp đồng. Như vậy, hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng trên là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có giá trị thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng GPB đã giải ngân cho bà H số tiền 2.000.000.000đồng theo Khế ước nhận nợ số 01.0142/KUNN/GPBBĐ-XĐ/10 ngày 09/07/2010. Sau khi nhận số tiền vay, bà Nguyễn TH đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.884.577.263 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi: 384.197.276 đồng; Lãi quá hạn: 1.065.545 đồng. Sau đó, bà H đã không trả nợ theo cam kết vi phạm Điều 2, 3 và Điều 6 của khế ước nhận nợ; do đó, Ngân hàng GPB chuyển sang nợ quá hạn là có cơ sở pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn TH phải trả khoản nợ gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0142/HĐTD/GPBBĐ-XĐ/10 ngày 09/07/2010; Khế ước nhận nợ số 01.0142/KUNN/GPBBĐ-XĐ/10 ngày 09/07/2010.

[4.2]. Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0142/HĐTD/GPBBĐ-XĐ/10 ngày 09/07/2010; Khế ước nhận nợ số 01.0142/KUNN/GPBBĐ-XĐ/10 ngày 09/07/2010.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/7/2019 thì bên vay phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản



quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng. Do đó, đối chiếu với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất thấy: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: “*Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*”. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả*”. Về lãi suất cho vay được thể hiện trong Khế ước nhận nợ, áp dụng lãi suất 17,5% và thay đổi vào ngày 25 hàng tháng. Xét Ngân hàng đã xuất trình các căn cứ điều chỉnh áp dụng mức lãi suất vay cho toàn bộ khoản vay từ thời điểm năm 2010 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm không trái quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Về lãi quá hạn, các bên thỏa thuận bằng 150% lãi trong hạn là phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay 1627. Xét thấy căn cứ trên bản kê tính lãi của nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa, lãi suất để tính lãi phát sinh được chia theo từng giai đoạn và được điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán về lãi cho GPB.

Do vậy, buộc bị đơn - bà Nguyễn TH phải thanh toán cho GPB, tổng dư nợ tính đến ngày 16/06/2022 là: **1.988.973.483 đồng (một tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng)**. Trong đó: Nợ gốc: 500.000.000đ; Nợ lãi trong hạn: 242.652.310đ; Nợ lãi quá hạn: 1.246.321.173đ.

Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp, nếu phát mại không đủ để thanh toán nợ thì bị đơn tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ với Ngân hàng. Bà Nguyễn TH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

[5] Về yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng là: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 248 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 03, xã DN, huyện TT, tỉnh HT (nay là thành phố Hà Nội), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T659267, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00699.QSĐĐ/826/QĐ-UB-H do UBND huyện

TT, HT (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 02/10/2001, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn TH tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT ngày 27/04/2010;

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số công chứng 1127.2010/HĐTC ngày 08/07/2010 đã ký giữa Ngân hàng TMCP DKTC – Chi nhánh Ba Đình (nay là Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV DKTC) và bên thế chấp - bà Nguyễn TH. Nội dung ký kết không trái pháp luật, hợp đồng có công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/07/2010 nên tởa mãn các quy định về thế chấp tài sản quy định tại Điều 342, 343 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm. Tại Điều 8 của Hợp đồng thế chấp có tởa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp, do bà Nguyễn TH không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng GPB yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo theo nội dung Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận xử lý tài sản thế chấp là : toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 248 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 03, xã DN, huyện TT, tỉnh HT (nay là thành phố Hà Nội), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T659267, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00699.QSĐĐ/826/QĐ-UB-H do UBND huyện TT, HT (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 02/10/2001, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn TH tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT ngày 27/04/2010; để đảm bảo cho bên vay là bà Nguyễn TH vay vốn từ bên Ngân hàng đã có hiệu lực theo quy định của pháp luật kê từ ngày ký kết.

Theo biên bản xem xét thực tế vụ thêm ở anh chị của Tòa án ngày 06/07/2021 tại thửa đất số 359 tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ xã DN, huyện TT, thành phố Hà Nội (nay là số 61 xóm Ngõ N, xã DN, huyện TT, thành phố Hà Nội) hiện có 02 khối nhà bê tông, giữa hai khối nhà có khoảng sân mái lợp tôn; phía trước có sân. Hiện có gia đình bà Nguyễn Thị T8 và các con cháu đang sinh sống ăn ở tại đây. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T8, anh Nguyễn Văn Quả trình bày khối nhà thứ nhất xây năm 2009 và không có sửa chữa tu tạo gì; khối nhà thứ hai xây năm 2018 không có giấy phép xây dựng. Gia đình bà T8 không có ý kiến gì về việc xây dựng nhà trên đất đã thế chấp cho ngân hàng, không có tranh chấp gì đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp mà bà Nguyễn TH ký kết với GPB. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật; gia đình xin được trả nợ thay cho bà Nguyễn TH khoản nợ gốc 500.000.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và đề nghị Ngân hàng trả “sổ đỏ” về cho gia đình.

Xét tại Điều 6 mục 6.8 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số công chứng 1127.2010/HĐTC ngày 08/07/2010 thể hiện bên thế chấp dùng toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cam kết mọi công trình, diện tích do bên vay cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với diện tích đất đã thế chấp, đều thuộc tài sản thế chấp. Do vậy, quan điểm gia đình bà Nguyễn Thị T8 tự nguyện trả thay cho bà Nguyễn TH tại GPB cần được ghi nhận.

Bà Nguyễn TH phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu sau khi đã khấu trừ giá trị tài sản phát mại.

Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV DKTC tiếp tục quản lý hồ sơ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV DKTC không phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu được Tòa án chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 27.140.000 đồng.

Bị đơn - bà Nguyễn TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ phải thanh toán trả nguyên đơn là 71.669.204 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

***Căn cứ vào:***

- Điều 342, 343, 348, 349, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468, 688 Bộ Luật Dân sự 2015;
- khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
- Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
- Điều 2, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008( sửa đổi bổ sung năm 2014).
- Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006;
- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Nguyễn TH.

II. Buộc bà Nguyễn TH thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC toàn bộ số tiền cả gốc và lãi vay trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0142/HĐTD/GPBBĐ-XĐ/10 ngày 09/07/2010; Khế ước nhận nợ số 01.0142/KUNN/GPBBĐ-XĐ/10 ngày 09/07/2010. Tổng dư nợ tính đến ngày 16/06/2022 là: **1.988.973.483 đồng (một tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng)**. Trong đó: Nợ gốc: 500.000.000đ; Nợ lãi trong hạn: 242.652.310đ; Nợ lãi quá hạn: 1.246.321.173đ.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày 16/06/2022 bên pH thi hành án pH tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thả nổi thuận trong các hợp đồng tín dụng trên tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

III. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bà Nguyễn TH không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC là: toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 248 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 03, xã DN, huyện TT, tỉnh HT (nay là số 61 xóm Ngõ N, xã DN, huyện TT, thành phố Hà Nội), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T659267, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00699.QSĐĐ/826/QĐ-UB-H do UBND huyện TT, HT (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 02/10/2001, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn TH tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT ngày 27/04/2010; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số công chứng 1127.2010/HĐTC ngày 08/07/2010.

Trường hợp pH xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án. Tài sản được xử lý theo diện tích và kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

IV. Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn TH pH tiếp tục có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

V. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC được trả lại số tiền tạm ứng án phí là: **27.140.000đồng** (Hai mươi bảy triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0001338 nộp ngày 30/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Bị đơn - bà Nguyễn TH pH chịu **71.669.204 đồng** (Bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm linh tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**VI. Về quyền kháng cáo:**

Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV DKTC có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn TH có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận BĐ.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hoài Phương**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**